

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

Số: **3834** /NĐĐT-KHVT

V/v báo giá Cung cấp vật tư gia công cơ khí phi tiêu chuẩn phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên năm 2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày **17** tháng 11 năm 2025

Kính gửi: Quý công ty và các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang triển khai lập Dự toán **Cung cấp vật tư gia công cơ khí phi tiêu chuẩn phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên năm 2026**. Để có cơ sở thực hiện theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá danh mục hàng hóa theo phụ lục đính kèm.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV.
- Hiệu lực của báo giá: 120 ngày kể từ ngày báo giá.
- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Khu Đông Sơn - phường Bình Khê - tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com).

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Phạm Thế Vinh - Nhân viên phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0329.039.895).

- Thời gian báo giá: chậm nhất ngày 21/11/2025.

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy để b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Mão

PHỤ LỤC: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

(Kèm theo Văn bản số 383H /NĐĐT-KHVT ngày 17/11/2025 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Tấm ốp bảo vệ (loại thẳng)	Kích thước: ID44,5xMW3x1220mm, Vật liệu: SUS310 (kèm đai giữ) (Chi tiết theo bản vẽ MK-LH-04-06/01 đính kèm)		Cái	500,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
2	Tấm ốp bảo vệ bộ hâm (tấm cong 90 độ)	Kích thước: Ø38,1;dài 800mm Vật liệu: SUS310 dày 3mm (Chi tiết theo bản vẽ MK-LH-04-05/01 đính kèm);		Cái	50,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
3	Khớp giãn nở chịu nhiệt	Kích thước: 3367x1200mm (khớp liền) - 25 lỗ bu lông phi 19mm theo chiều dài 3367mm (khoảng cách tâm lỗ bu lông: 132mm) - 10 lỗ bu lông phi 19mm theo chiều rộng 1200mm (khoảng cách tâm lỗ bu lông: 112mm)		Bộ	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
4	Khớp giãn nở chịu nhiệt	Kích thước: 1969x847mm (khớp liền) - 18 lỗ bu lông phi 19mm theo chiều dài 1969mm (khoảng cách tâm lỗ bu lông: 105mm) - 07 lỗ bu lông phi 19mm theo		Bộ	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			

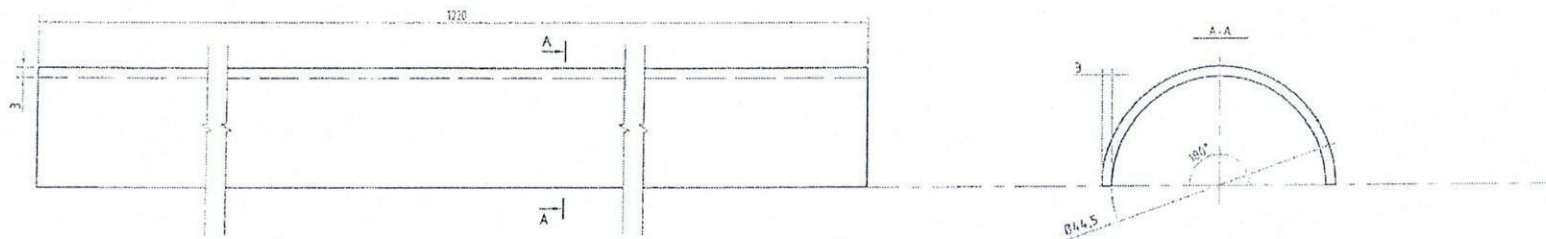
STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		chiều rộng 847mm (khoảng cách tâm lỗ bu lông: 110mm)							
5	Khớp giãn nở	Kích thước: Ø356x6 L=600mm giãn nở hướng kính 10mm giãn nở hướng trục 10mm; Vật liệu: ống thép C20, giãn nở inox SUS304 (Chi tiết theo bản vẽ MK-LH-02-02/01 đính kèm)		Bộ	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
6	Khớp giãn nở	Kích thước: Ø457x6 L=600mm giãn nở hướng kính 9mm giãn nở hướng trục 7mm; Vật liệu: ống thép C20, giãn nở inox SUS304 (Chi tiết theo bản vẽ MK-LH-02-01/01 đính kèm)		Bộ	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
7	Khớp giãn nở kim loại	Kích thước: Ø678x668; Vật liệu SUS 310S, nhiệt độ làm việc $\geq 1000^{\circ}\text{C}$ (Chi tiết bản vẽ mã hiệu MK-LH-02-03/01 đính kèm)		Bộ	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
8	Khớp giãn nở	Kích thước: Ø234xØ273x400 mm; Độ giãn nở: X= -15 mm; Y= 15 mm; Z=5 mm; Áp suất: 0,25 MPa; Nhiệt độ: 1790 độ F của hãng Foster Wheeler Energy Management (Shanghai) Co., Ltd (Chi tiết theo bản vẽ mã hiệu 418320160-25-0341).		Cái	2,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
9	Khớp giãn nở L413	Kích thước: Ø450x10; L413; Giãn nở hướng trục: 20mm; Vật liệu: ống thép C20, giãn nở inox SUS 304; (chi tiết theo bản vẽ MK-LH-02-18/02 đính kèm)		Cái	2,00*	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
10	Cút thải xỉ 90 độ	Quy cách: DN250 (Ø297); Vật liệu KMTBCr26-28 Độ cứng HRC 55-65 (Chi tiết theo bản vẽ MK-LH-02-09/01 đính kèm)		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
11	Cút cong 90 độ	Cút cong 90 độ Kích thước: Ø455x1870x12; Vật liệu: thép C45 (Chi tiết theo bản vẽ MK-LH-02-11/01 đính kèm)		Cái	4,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
12	Cút thải xỉ 90 độ	Quy cách: DN200 (Ø243); Vật liệu KMTBCr26-28 Độ cứng HRC 55-65 (Chi tiết theo bản vẽ MK-LH-02-08/01 đính kèm)		Cái	8,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
13	Cút cong 90 độ	Quy cách: Ø159x19mm; Vật liệu KMTBCr26-28 Độ cứng HRC 55-65 (Chi tiết theo bản vẽ MK-LH-01-02/01 đính kèm)		Cái	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			

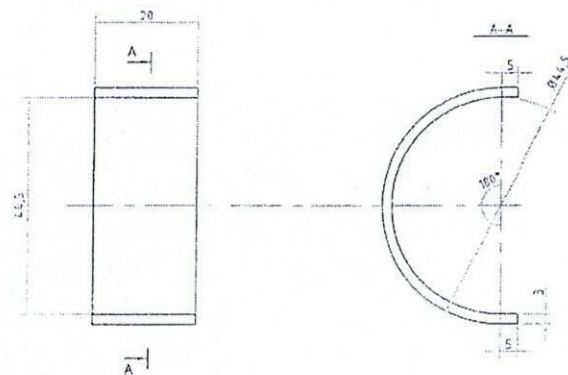
STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
14	Khớp giãn nở kép	Quy cách: DN100; Áp suất: 0,7 MPa; Nhiệt độ làm việc: 450 độ C; dài 1700mm; vật liệu: Q235; múi co giãn SUS304 (chi tiết theo bản vẽ MK-LH-01-06/01 đính kèm)		Cái	6,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
15	Ống nối thẳng	Ống nối thẳng (Ø76x250mm, dày 3,2mm, Thép SS400) ren ngoài		Cái	10,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
	Tổng								
	Thuế GTGT								
	Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí và lệ phí)								
	Bảng chữ:								

Ghi chú:

(*) Đề nghị đơn vị báo giá chào đầy đủ nhà sản xuất và xuất xứ của hàng hóa. Nếu đơn vị báo giá không chào đầy đủ nội dung nêu trên thì mục hàng hóa của đơn vị báo giá không được xem xét.



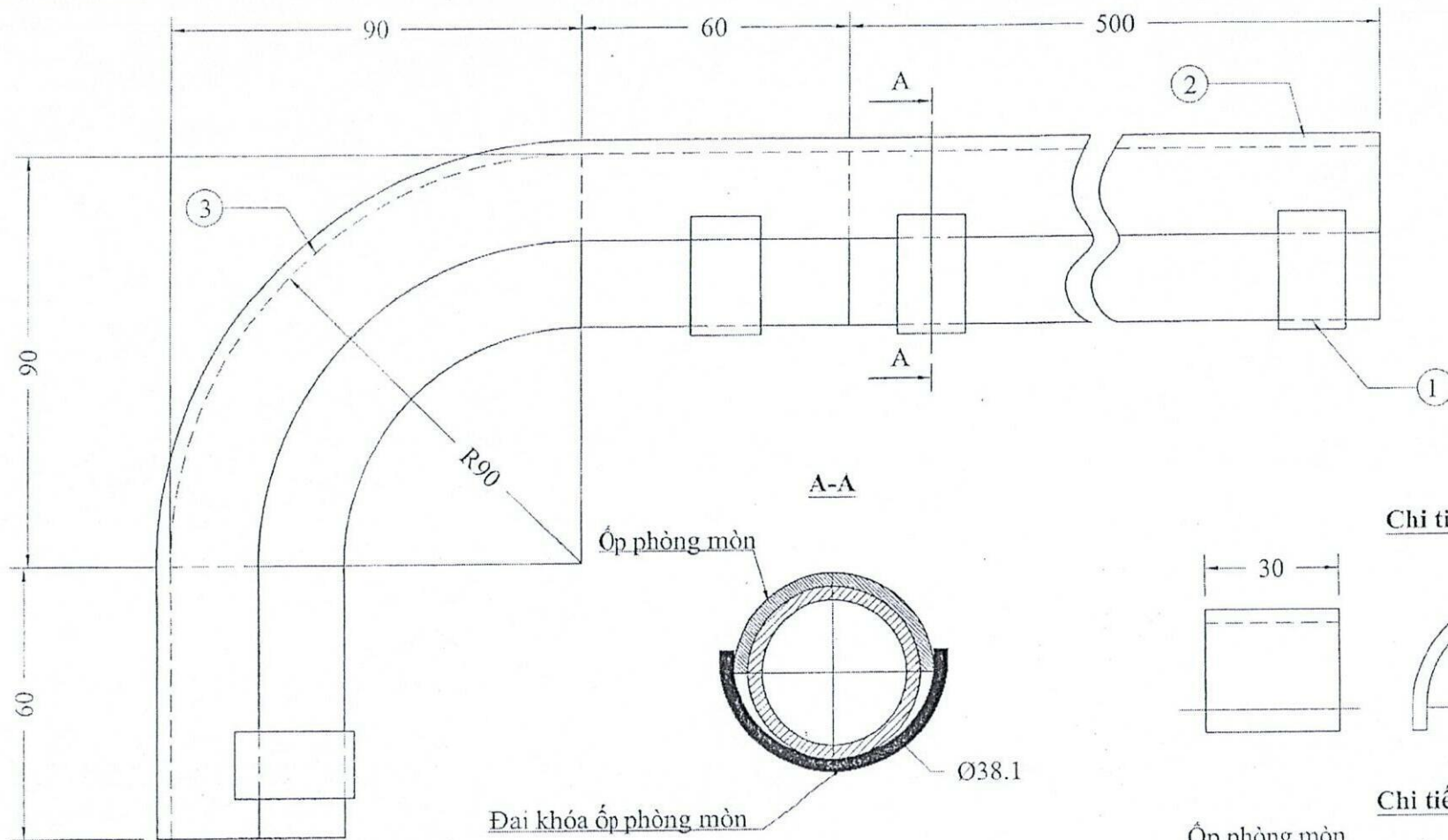
TẤM ỐP BẢO VỆ BỘ HÂM LOẠI THĂNG



ĐAI GIỮ

1. Mặt tấm ốp là 03 đơn vị
2. Đơn vị mm
3. Áp dụng cấp dụng sai TCVN 2267-1:2007

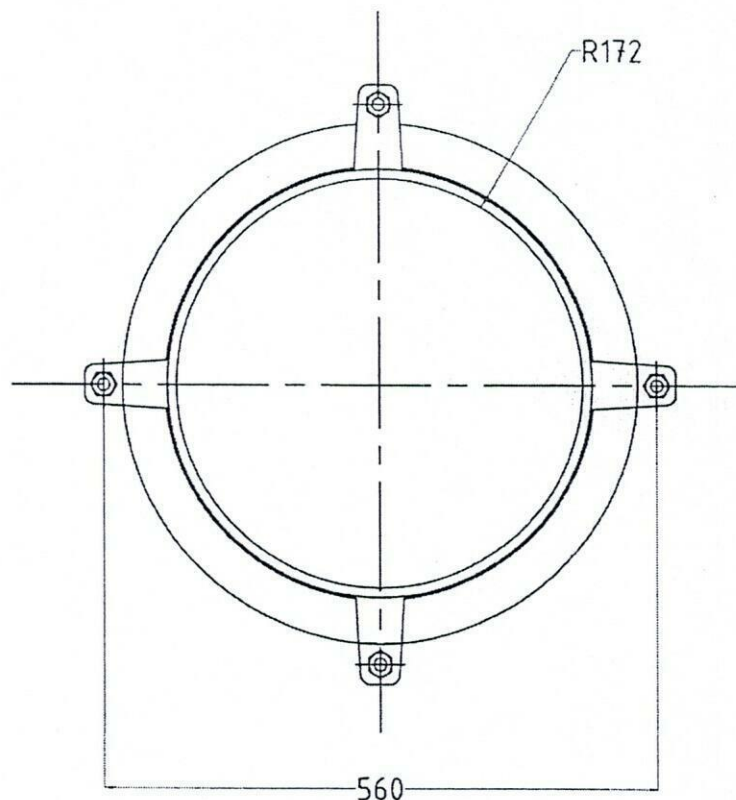
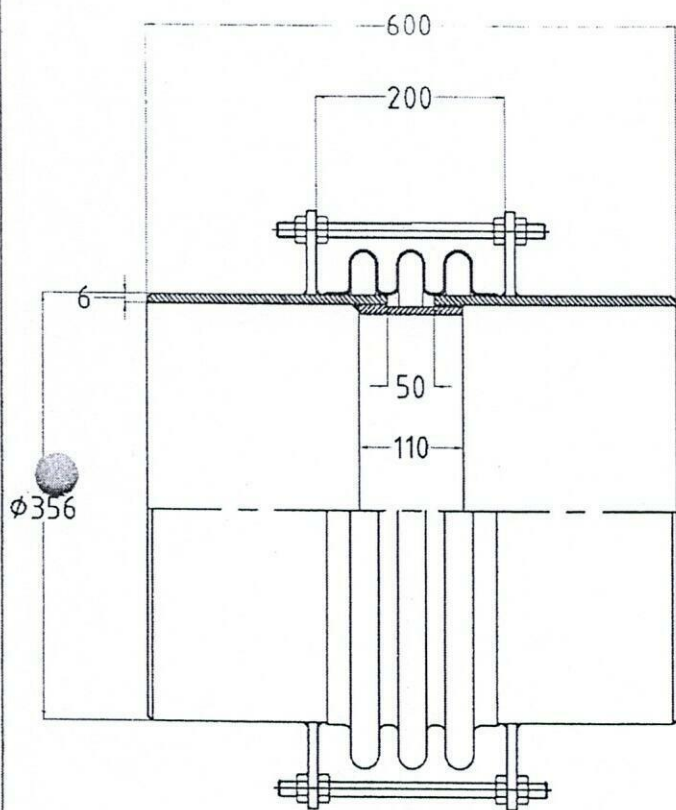
Hệ thống lò hơi			
Chức vụ	Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Thiết kế	Ng.H.V.Long	<i>[Signature]</i>	
TP.KTAT	Ng. Đức Hậu	<i>[Signature]</i>	
P.GD	Ng. Văn Kỳ	<i>[Signature]</i>	
VL: SUS310S			
CÔNG TY VIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỆU THỊNH PHÒNG KỸ THUẬT-AN TOÀN			
Số Lq		K.Lượng	Tỉ lệ
01			1:1
Số tài liệu MK-LH-04-36/01			



YÊU CẦU KỸ THUẬT/ CHÚ Ý

- Chi tiết gia công đúng kích thước trên bản vẽ.
- Các vị trí cong không bị móp méo, biến dạng, nứt.
- Các dung sai kích thước đảm bảo TCVN 2263:1-2007-C.

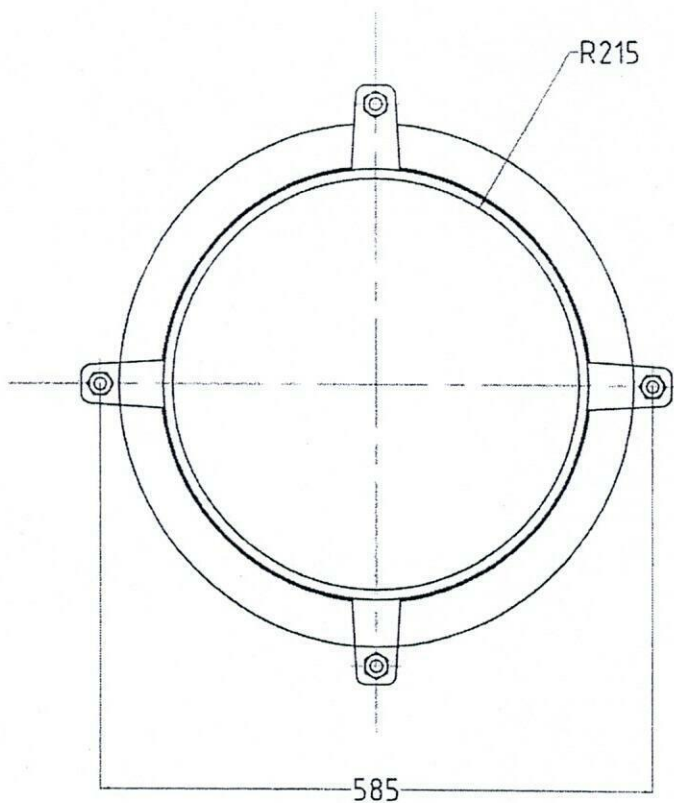
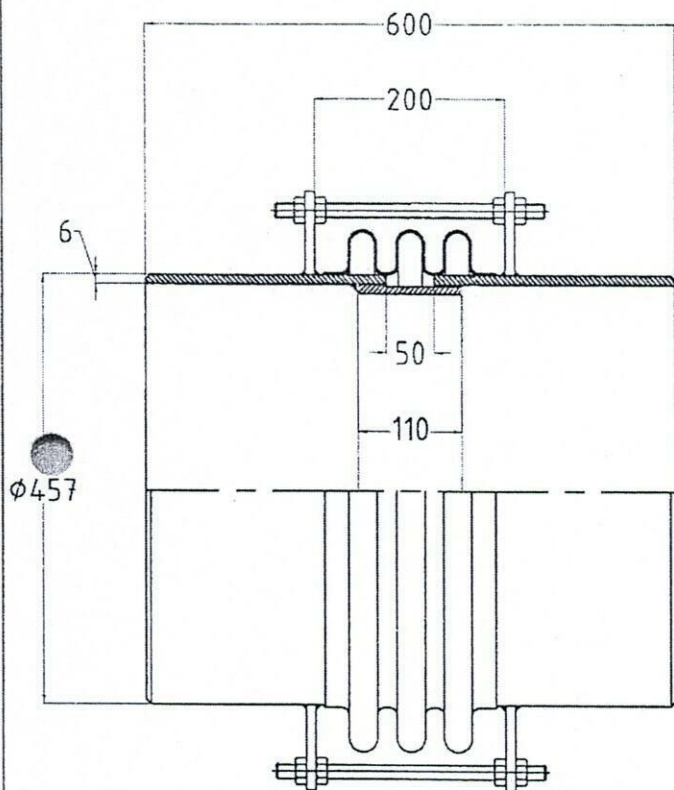
				Hệ thống: Bàn thế lò hơi			
Chức vụ	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	TẤM ỐP BẢO VỆ BỘ HÂM (tấm cong 90 độ) Ø38,1x650x150mm		CÔNG TY NHỆT ĐIỆN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	
Thiết kế	Ng.X.Trường					Số. Lg	K.Lượng
TP.KTAT	Ng.Đức.Hầu					01	0.5kg
P.GĐ	Ng. Văn Kỳ					Tỉ lệ	
				VL: SUS310 dày 3mm		Số hiệu danh vẽ	
						MK-LH-04-05/01	



Yêu cầu kỹ thuật:

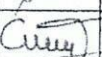
1. Dung sai các kích thước không ghi lấy theo TCVN $\pm IT14$.
2. Chi tiết sau khi gia công không được vênh vẹo
3. Làm cùn cạnh sắc sau khi gia công
4. Các mối hàn cần gia cố hàn chắc chắn.
5. Giãn nở hướng kính 10mm, giãn nở hướng trục 10mm.
6. Áp suất làm việc: 0.025MPa.
7. Nhiệt độ làm việc: 252-350 oC.

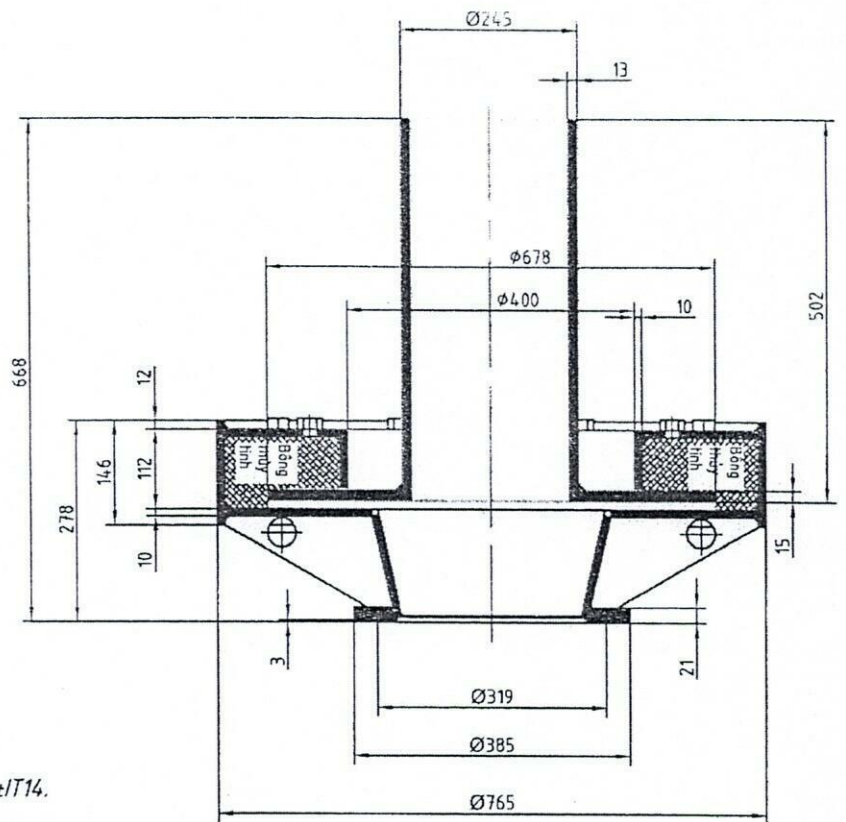
				Hệ thống: Thải xỉ đáy lò hơi		
Chức vụ	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	KHỚP GIÃN NỞ $\phi 356 \times 6$; L=600mm	CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐỒNG TRIỀU-TKV PHÒNG KỸ THUẬT-AN TOÀN	
Thiết kế	Ng.Xuân Trường				Số. Lg	K.Lượng
TP.KTAT	Ng.Đức.Hậu			VL: Ống thép C20; giãn nở inox SUS304.	01	56 kg
P.GD	V.Phú.Cường				Số hiệu bản vẽ: MK-LH-02-02/01	



Yêu cầu kỹ thuật:

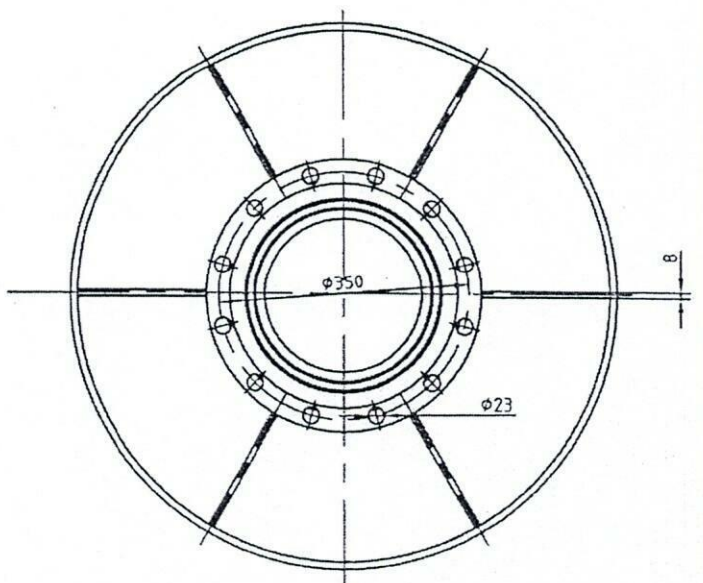
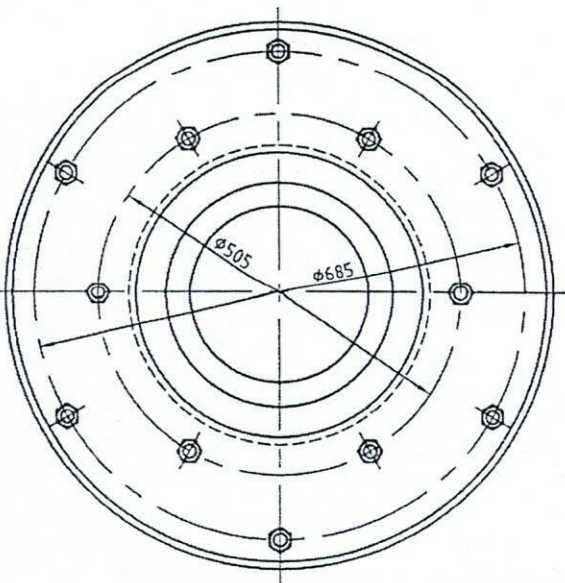
1. Dung sai các kích thước không ghi lấy theo TCVN $\pm IT14$.
2. Chi tiết sau khi gia công không được vênh vắn
3. Làm cùn cạnh sắc sau khi gia công
4. Các mối hàn cần gia cố hàn chắc chắn.
5. Giãn nở hướng kính 09mm, giãn nở hướng trục 07mm.
6. Áp suất làm việc: 0.025MPa.
7. Nhiệt độ làm việc: 252-350 oC.

						Hệ thống: Thải xỉ đáy lò hơi		
Chức vụ	Họ và tên	Chữ ký	Ngày		KHỚP GIÃN NỖ $\phi 457 \times 6$; L=600mm	CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU-TKV PHÒNG KỸ THUẬT-AN TOÀN		
Thiết kế	Ng.Xuân Trường					Số. Lg	K.Lượng	Tỉ lệ
TP.KTAT	Ng.Đức.Hậu				VL: Ống thép C20; giãn nở inox SUS304.	01	60 kg	1:1
P.GĐ	V.Phú.Cường					Số hiệu bản vẽ: MK-LH-02-01/01		



Yêu cầu kỹ thuật:

1. Dung sai các kích thước không ghi lấy theo TCVN $\pm IT14$.
2. Chi tiết sau khi gia công không được vênh vẹo
3. Làm cùn cạnh sắc sau khi gia công
4. Các mối hàn cần gia cố hàn chắc chắn.



Chức vụ	Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Thiết kế	Ng.Xuân Trường		
TP.KTAT	Ng.Đức.Hậu		
P.GD	V.Phú.Cường		

Hệ thống: Thải xỉ đáy lò hơi

KHỚP GIÃN NỖ Ø678x668

VL: SUS 310S

CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU-TKV
PHÒNG KỸ THUẬT-AN TOÀN

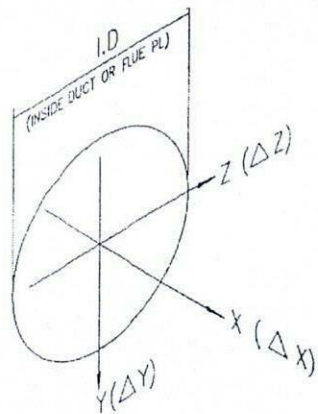
Số Lg	K.Lượng	Tỉ lệ
01	180 kg	1:1

Số hiệu bản vẽ:
MK-LH-02-03/01

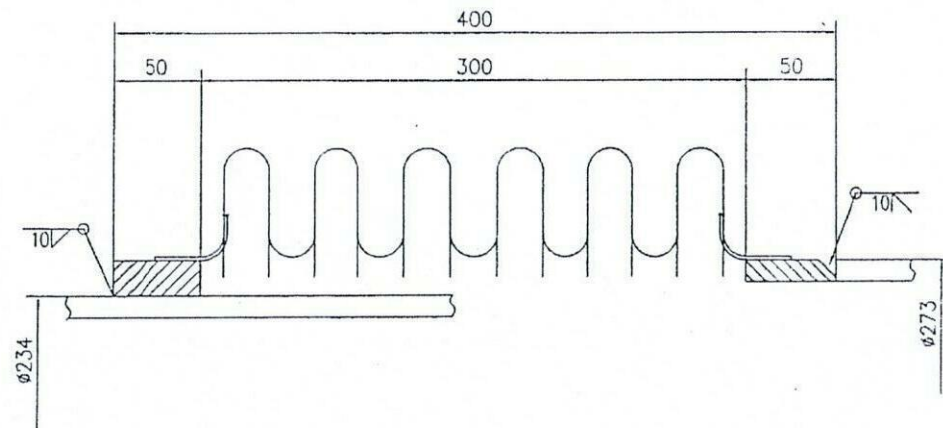
418320160-25-0341

METALLIC EXPANSION JOINT

METALLIC EXPANSION JOINT													FW DWG
QTY	DUCT/FLUE SIZE O.D. GN-5	TYPE OF SERVICE	MOVEMENT (SEE DETAIL-1)			PRESSURE		DESIGN TEMP.	BREACH OPENING	DETAIL	JOINT PLACEMENT	REMARKS	
			AXIAL GN-4	LATERAL									
			ΔX mm	ΔY mm	ΔZ mm	OPER.	DESIGN						
4	AS SHOWN	CENTER ASH DRAIN	-15	15	5		0.25 MPa	1790	400	2	VER.		0340



DETAIL-1



DETAIL-2

GENERAL NOTES

- DO NOT SCALE THIS DRAWING. USE FIGURE DIMENSIONS ONLY.
- ABBREVIATIONS USED ON THIS DRAWING ARE IN ACCORDANCE WITH ASME Y14.38 "ABBREVIATIONS AND ACRONYMS".
- ALL WELD SYMBOLS USED ON THIS DRAWING IN ACCORDANCE WITH AMERICAN WELDING SOCIETY PUBLICATION ANSI/AWS 2.4, "STANDARD WELD SYMBOLS FOR WELDING BRAZING AND NONDESTRUCTIVE EXAMINATION".
- AXIAL MOVEMENTS
 $-\Delta$ ---DENOTES AXIAL COMPRESSION
 $+\Delta$ ---DENOTES AXIAL EXPANSION
- QUANTITIES SHOWN ON THIS DRAWING ARE TOTALS FOR ONE UNITS.

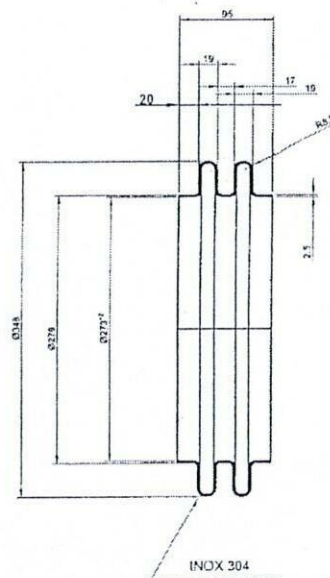
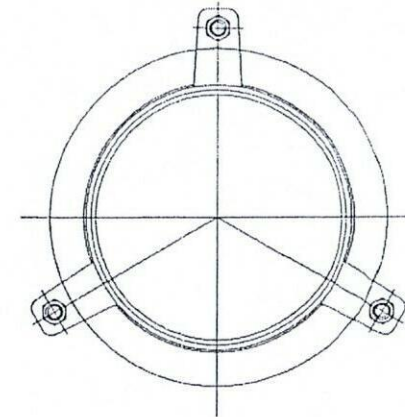
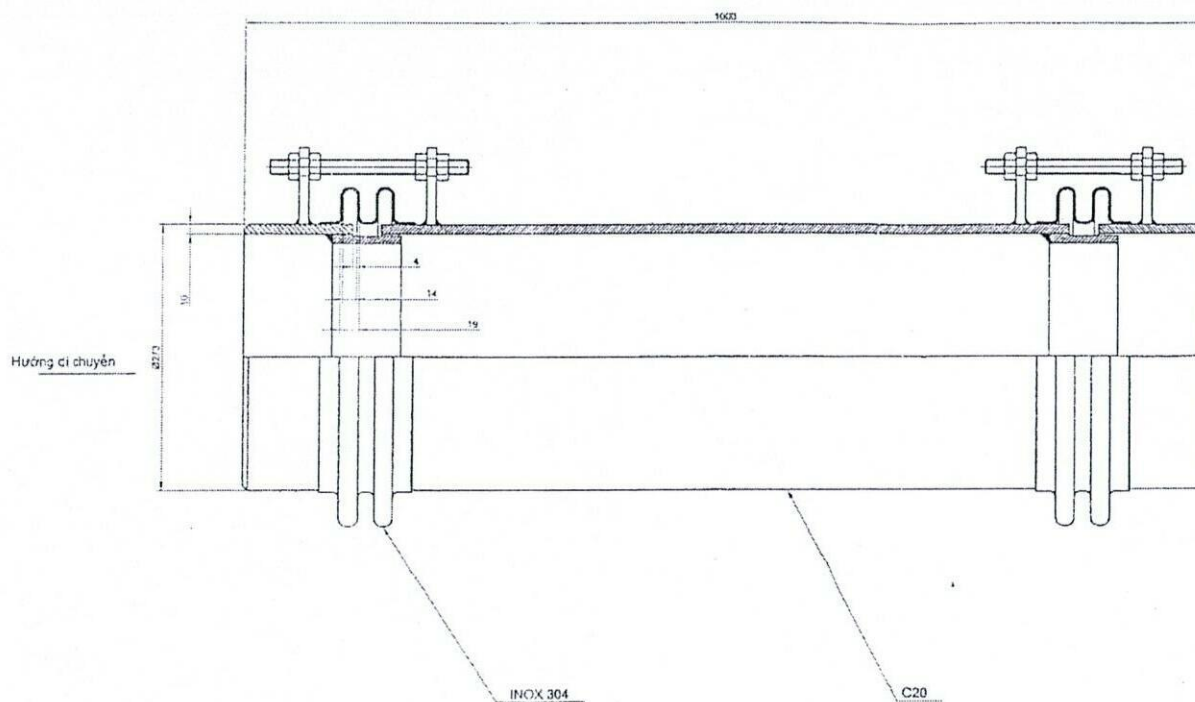
0	12/16/10	KYJ	FOR CONSTRUCTION
A	02/25/10	KYJ	FIRST ISSUE
REV.	DATE	BY	DESCRIPTION
			CONSTRUCTION
			FABRICATION
			DETAILING
			COMPLETE MATERIAL ORDER
			PARTIAL MATERIAL ORDER
			BID/QUOTATION
REV.	DATE	APPR.	ISSUED FOR

ASH DRAIN
EXPANSION JOINTVIETNAM NATIONAL COAL-MINERAL INDUSTRIES GROUP
MAO KHE 2 X 220 MW THERMAL POWER PLANT PROJECT

DRAWING NUMBER	SCALE	1: 20
418320160-25-0341		REVISION 0

DRAWN BY	KYJ	02-25-10	418320160
CHECKED BY	WGR	02-25-10	
APPROVED BY	OZW	02-25-10	PRODUCT CODE 43 SIZE A2

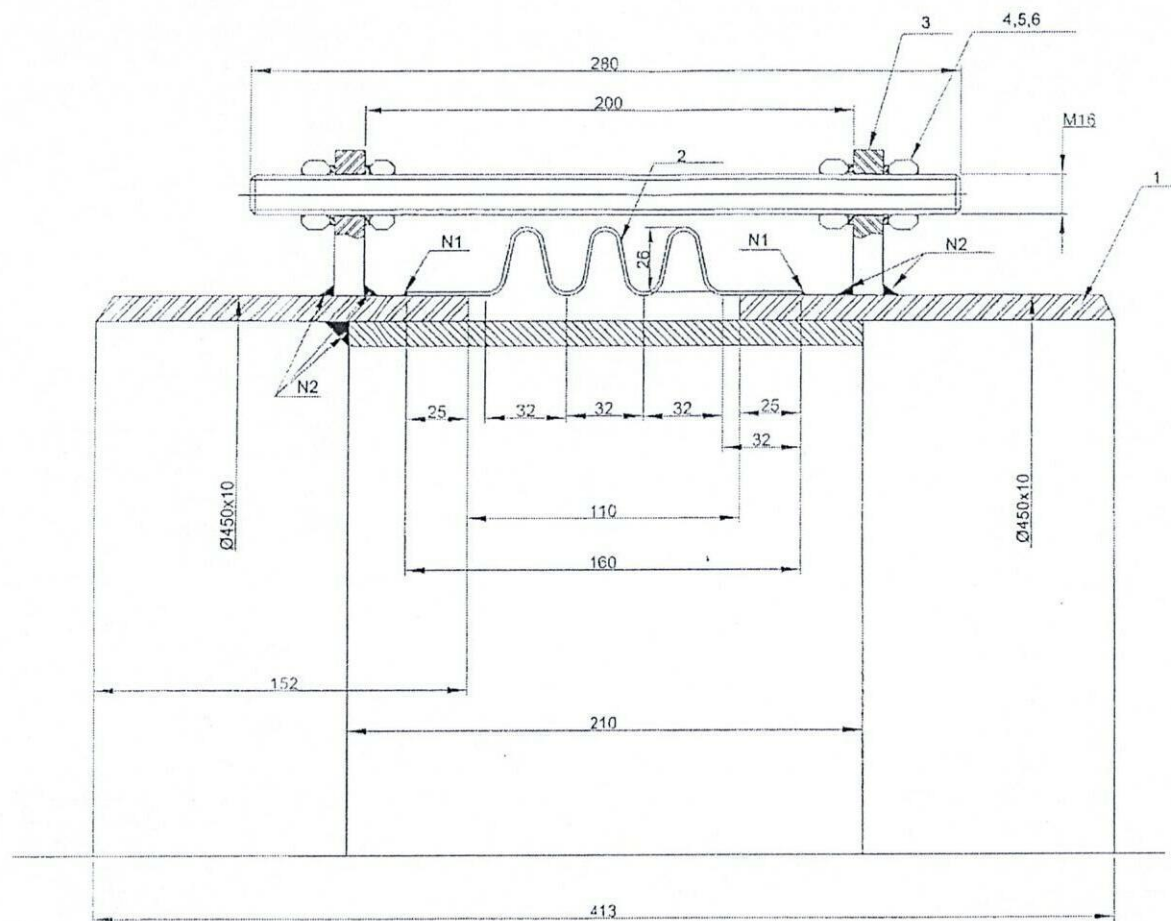
THIS DRAWING IS THE PROPERTY OF THE
FOSTER WHEELER ENERGY MANAGEMENT (SHANGHAI) CO., LTD.
PANYU NEW AREA, SHANGHAI, P.R.C.AND IS LOANED WITHOUT COMPENSATION OTHER THAN THE SUPPLIER'S
AGREEMENT THAT IT SHALL NOT BE REPRODUCED, COPIED, LOANED,
OR OTHERWISE USED IN ANY MANNER WITHOUT THE WRITTEN
CONSENT OF THE SUPPLIER. IT IS SPECIFICALLY FORWARDED, THE
COPYRIGHT IN THIS DRAWING IS RESERVED BY FOSTER WHEELER.



Yêu cầu kỹ thuật:

- Áp suất làm việc: 0.025 MPa
- Nhiệt độ làm việc: 252-350 oC
- Độ giãn của khớp theo phương hướng kính: 15/5 mm
- Độ giãn của khớp theo phương hướng trục: 15 mm

					Hệ thống: Thải xỉ đáy lò hơi			
					KHỚP GIÀN NỮ Ø273x10; L1000	CÔNG TY NHỆT ĐIỆN ĐỒNG TRIỀU-THY PHÒNG KỸ THUẬT-AN TOÀN		
Chức vụ	Họ và tên	Chữ ký	Ngày			Số. Lg	K.Lượng	Tỉ lệ
Thiết kế	Ng.X.Trường					01	kg	1:2
TP.KTAT	Ng.Đức.Hậu					Số hiệu bản vẽ: MK-LH-02-18/01		
P.GĐ	V.Phú.Cường				VL: SUS 304 & Thép ống C20			

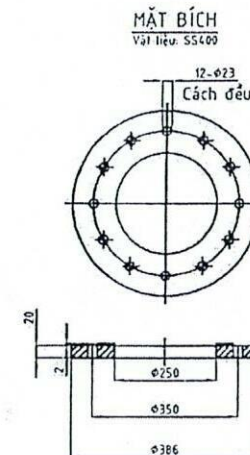
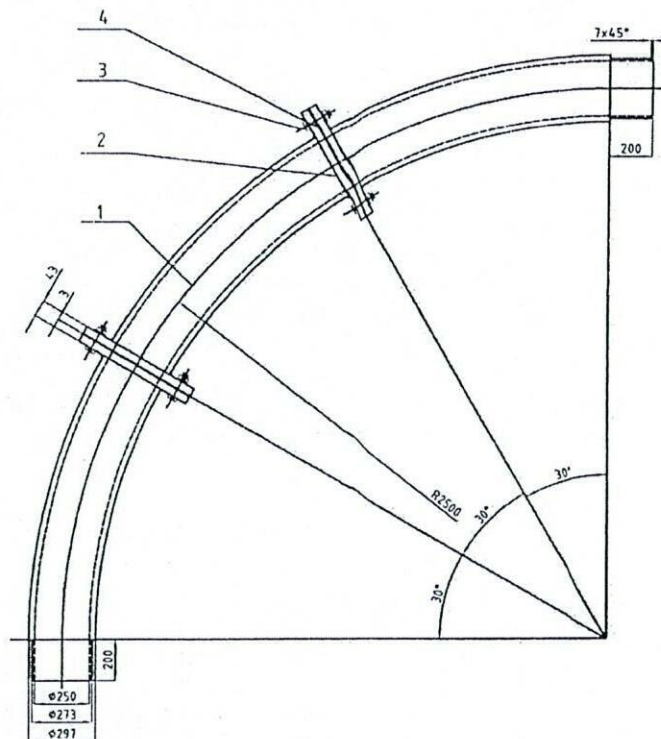


Ghi chú:

1. Giãn nở (phần có sóng) được hàn kín xung quanh vào ống đảm bảo yêu cầu;
2. Sai lệch các kích thước $\pm 1\text{mm}$;
3. Giãn nở hướng trục 20mm.

5,6	Êcu M16 + lông đen	06 cái		5,6
4	Gương M16x280	03 cái		5,6
3	Tấm mã 40x12x60	06 cái	1,2	C13
2	Giãn nở phi 455x160x1,5	01 cái		SUS304
1	Ống thép Ø450x10x152	02 ống	34,5	
Stt	Quy cách	Số lượng	K.Lượng (kg)	Ghi chú

				Hệ thống: hút âm thải xỉ đáy lò hơi			
Chức vụ	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	KHỚP GIÃN NỖ Ø450x10; L413			
Thiết kế	Ng.X.Trường						
TP.KTAT	Ng.Đức.Hậu			VL: ống thép C20; giãn nở SUS304			
P.GĐ	V.Phú.Cường						
				CÔNG TY NHỆT ĐIỆN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM PHÒNG KỸ THUẬT-AN TOÀN			
				Số. Lg	K.Lượng	Tỉ lệ	
				01	 kg	1:2	
				Số hiệu bản vẽ MK-LH-02-18/02			



Yêu cầu kỹ thuật:

- Các mối hàn phải đảm bảo ngẫu chắc, không các khuyết tật.
- Chiều cao các mối hàn h=10mm.
- Độ cứng của cốt đạt 55-65 HRC.
- Làm cùn các cạnh sắc.
- Sơn 01 lớp chống gỉ, sơn màu nhũ bạc 02 lớp.
- Các dung sai kích thước đảm bảo TCVN 2263:1-2007-C.



Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Nguyễn Tuấn Tú		
Ng. Đức Hậu		
Vũ Văn Mão		

4	Gioăng	2	Cái	Amiăng, dày 3mm	
3	Bu lông, đai ốc, đệm M20	24	Độ		8.8
2	Mặt bích nối	4	Cái	SS400	
1	Ống	4.23	m	KMTBCr26-28; Độ cứng 55,65	
SII	Duy cách	Số lg	Đơn vị	Vật liệu	Ghi chú

Hệ thống: Thái xỉ đáy lò hơi

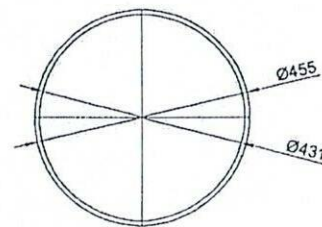
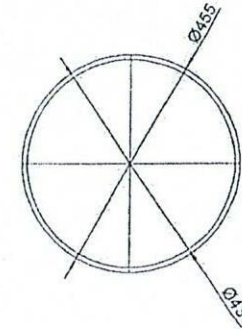
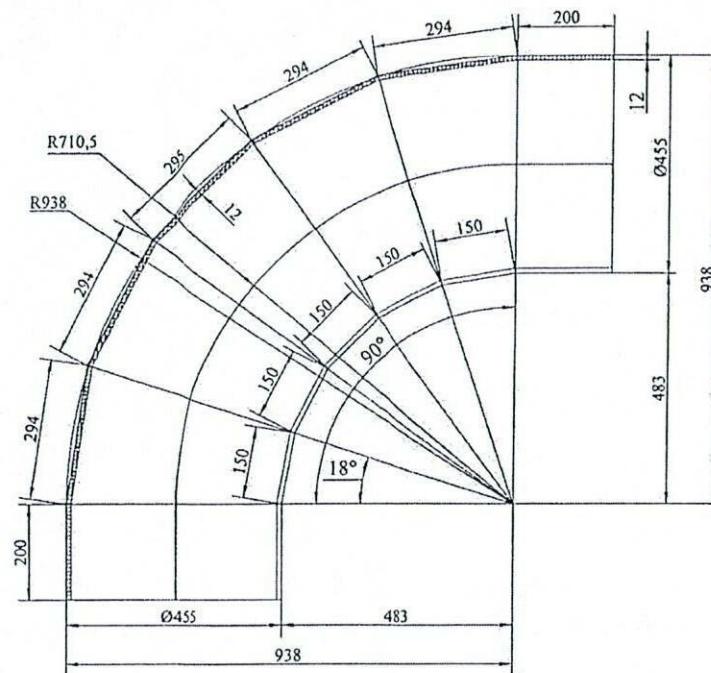
CÚT CONG 90 ĐỘ
QUY CÁCH: DN250(Ø297)

Vật liệu: KMTBCr26-28;
Độ cứng 55 - 65

CÔNG TY TNHH ĐIỆN ĐỒNG TRIỀU-TKV
PHÒNG KỸ THUẬT-AN TOÀN

Số. Lg	K.Lượng	Tỉ lệ
01	kg	1:1

Số hiệu bản vẽ:
MK-LH-02-09/01



Yêu cầu kỹ thuật:

- Các mối hàn phải đảm bảo gấu chắc, không các khuyết tật.
- Chiều cao các mối hàn $h=10\text{mm}$.
- Độ cứng của cắt đạt $55\text{--}65\text{HRC}$.
- Làm cùn các cạnh sắc.
- Sơn 01 lớp chống gỉ, sơn màu nhũ bạc 02 lớp.
- Các dung sai kích thước đảm bảo TCVN 2263:1-2007-C.



Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Ng. Đức Hậu	<i>[Signature]</i>	
P.GD	Vũ Văn Mão	

Hệ thống: Thải xỉ đáy lò hơi

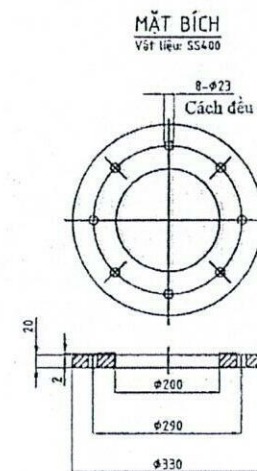
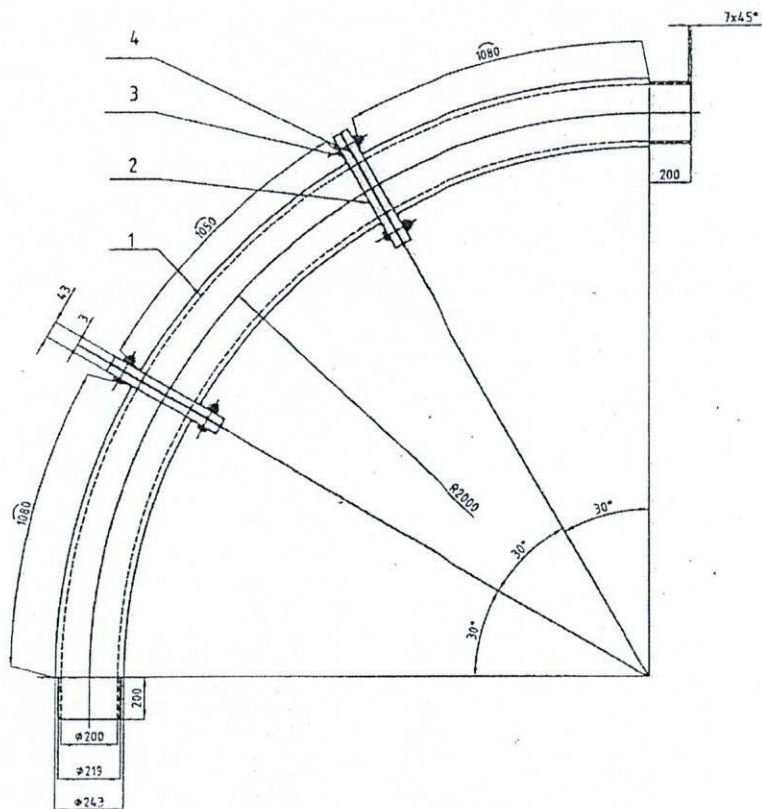
CÚT CONG 90 ĐỘ
QUY CÁCH: Ø455x1870x12mm

Vật liệu: Thép C45

CÔNG TY NHỆ ĐIỆN DÔNG TRIỀU-TKV
PHÒNG KỸ THUẬT-AN TOÀN

Số. Lg	K.Lượng	Tỉ lệ
01	kg	1:1

Số hiệu bản vẽ:
MK-LH-02-11/01

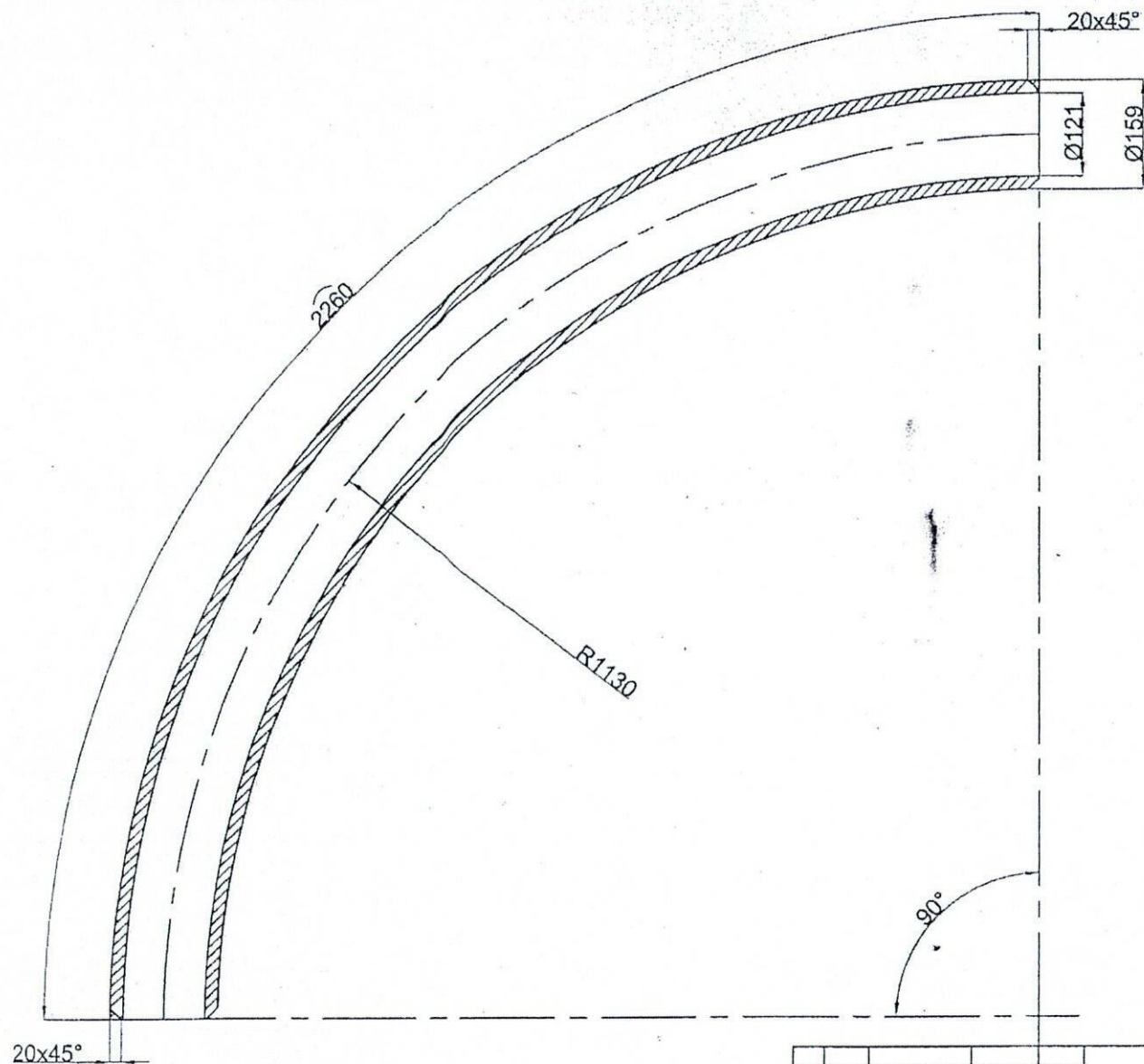


Yêu cầu kỹ thuật:

- Các mối hàn phải đảm bảo chắc chắn, không có khuyết tật.
- Chiều cao các mối hàn $h=10\text{mm}$.
- Độ cứng của cút đạt 55-65 HRC.
- Làm cùn các cạnh sắc.
- Sơn 01 lớp chống gỉ, sơn màu nhũ bạc 02 lớp.
- Các dung sai kích thước đảm bảo TCVN 2263:1-2007-C.

4	Giang	2	Cái	Amiang, dày 3mm	
3	Bu lông, đai ốc, đệm M20	16	Bộ		8.8
2	Mặt bích nối	4	Cái	SS400	
1	Ống	3.44	m	KMTBCr26-28; Độ cứng 55,65	
SH	Quy cách	Số lg	Đơn vị	Vật liệu	Ghi chú

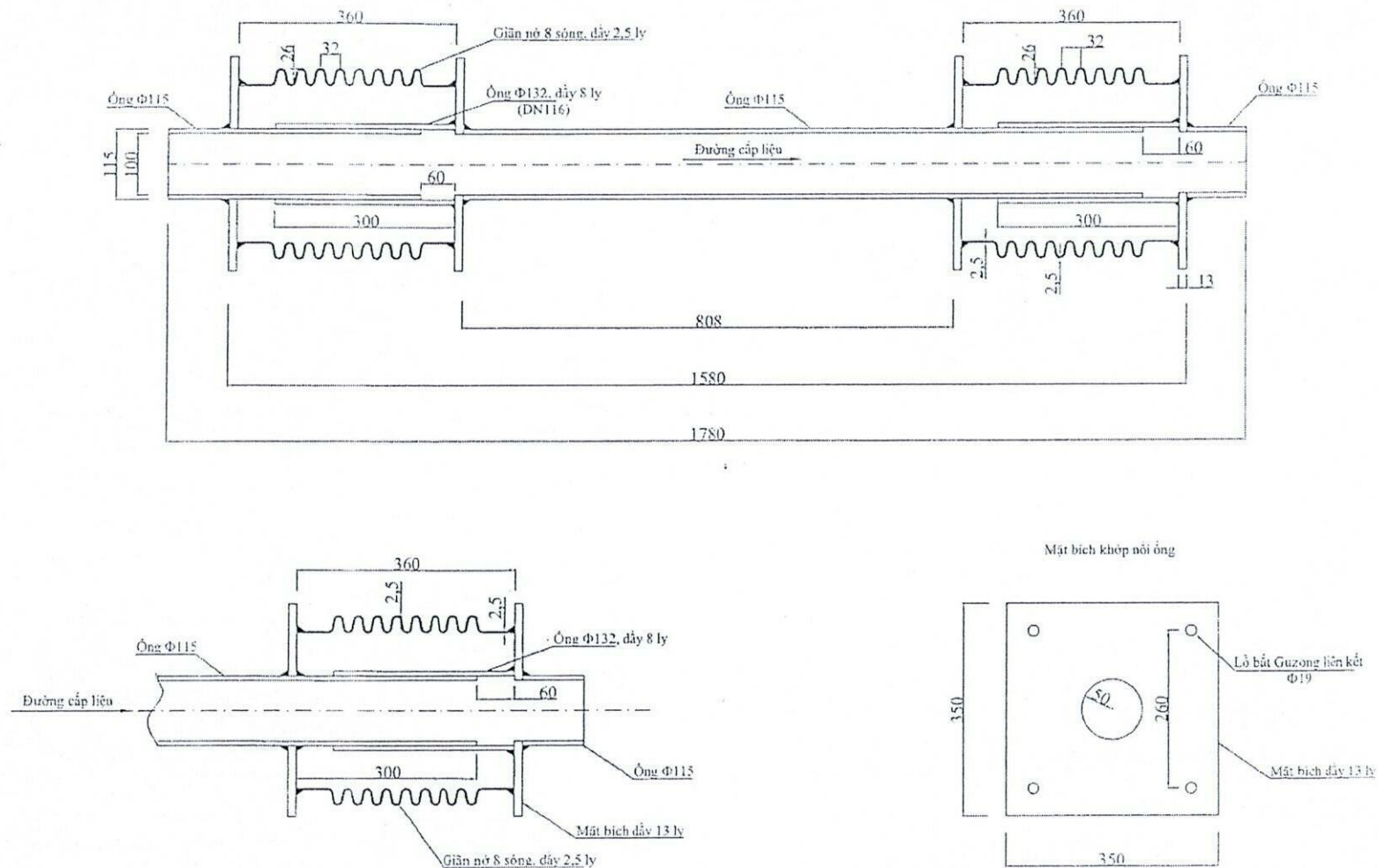
Hệ thống: Thải xỉ đáy lò hơi					
Chức vụ	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	CÚT CONG 90 ĐỘ DN200(φ243)	
Thiết kế	Ng.X.Trường				
TP.KTAT	Ng.Đức.Hậu			VL: KMTBCr26-28; Độ cứng 55 - 65	
P.GĐ	Ng.Văn Kỳ				
				CÔNG TY NHỊT ĐIỆN ĐỒNG TRIỀU-TRV PHÒNG KỸ THUẬT-AN TOÀN	
				Số. Lg	K.Lượng
				01	kg
				Tỉ lệ	
				1:1	
				Số hiệu bản vẽ: MK-LH-02-08/01	



YÊU CẦU KỸ THUẬT/ CHÚ Ý

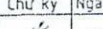
1. Chi tiết gia công đúng kích thước trên bản vẽ.
2. Bề mặt thiết bị không được rạn nứt, rỉ bề mặt.
3. Các cạnh sắc phải được làm cùn và mài nhẵn.
4. Các dung sai kích thước đảm bảo TCVN 2263:1-2007-C.

					Hệ thống: Cấp đá vôi buồng đốt lò hơi			
					CÚT CONG 90 ĐỘ QUY CÁCH: Ø159x19 VL: KMTBCr26-28; ĐỘ CỨNG HRC55-65	CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐỒNG TRIỀU-TKV PHÒNG KỸ THUẬT-AN TOÀN		
Chức vụ	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	Số. Lq		K.Lượng	Tỉ lệ	
Thiết kế	Ng.X.Trường			01		60 kg	1:2	
TP.KTAT	Ng.Đức.Hậu			Số hiệu bản vẽ: MK-LH-01-02/01				
P.GD	Ng. Văn Kỳ							



YÊU CẦU KỸ THUẬT/ CHÚ Ý

- Chỉ tiết gia công đúng kích thước trên bản vẽ.
- Các vị trí cong không bị móp méo, biến dạng, nứt.
- Các dung sai kích thước đảm bảo TCVN 2263-2007.
- Đường ống và mặt bích vật liệu thép Q235, khớp giãn nở vật liệu thép SUS304

				Hệ thống: Bán thể lò hơi				
				KHỚP GIÀN NỎ KÉP DN100 ĐƯỜNG ỐNG CẤP ĐÁ VỚI VÀO LÒ				
Chức vụ	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	CÔNG TY NHỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỆU THỦY PHÒNG KỸ THUẬT-AN TOÀN		Số Lg	K.Lượng	Tỉ lệ
Thiết kế	Ng.X.Trường			VL: Thép Q235 và SUS304		01	kg	1:1
PTP.KTAT	Bùi Q. Hùng							
P.GĐ	Vũ P. Cường			Số hiệu bản vẽ MK-LH-01-06/01				